

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020,**  
**Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Thanh Hóa.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**  
**KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2011/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2011 về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Sau khi xem xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 392/BC- HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2011 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

**1. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.**

a. Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 là 879.425 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa: 138.621,89ha, (Đất chuyên trồng lúa nước 129.562,78 ha).
- Đất rừng sản xuất: 371.776,73 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 180.619,94 ha;
- Đất rừng đặc dụng: 82.005,33 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản: 13.376,28 ha;
  - Đất làm muối: 327,41 ha;
  - Các loại đất nông nghiệp còn lại: 92.697,42 ha.
- b. Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 195.102,94 ha, trong đó:
- Đất quốc phòng: 5.855,05 ha;
  - Đất an ninh: 3.896,30 ha;
  - Đất khu, cụm công nghiệp: 7.408,79 ha;
  - Đất phát triển hạ tầng: 70.583,94 ha, gồm:
    - + Đất cơ sở văn hoá 1.077,9 ha;
    - + Đất cơ sở y tế 302,65 ha;
    - + Đất cơ sở giáo dục - đào tạo 2.531,84 ha;
    - + Đất cơ sở thể dục - thể thao 2.657,61 ha;
    - + Các loại đất phát triển hạ tầng còn lại 64.013,94 ha.
  - Đất di tích, danh lam thắng cảnh: 524,14 ha;
  - Đất bãi thải, xử lý chất thải: 391,85 ha;
  - Đất ở tại đô thị: 4.690,78 ha;
  - Các loại đất phi nông nghiệp còn lại: 101.752,09 ha.
- c. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: 50.324,84 ha.
- d. Diện tích đất chưa sử dụng còn lại đến năm 2020: 38.665,87 ha.

## **2. Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011-2015:**

- a. Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2015 là 868.866,14 ha, trong đó:
- Đất trồng lúa: 139.251,32 ha;
  - Đất rừng sản xuất: 356.058,06 ha;
  - Đất rừng phòng hộ: 180.648,94 ha;
  - Đất rừng đặc dụng: 82.005,33 ha;
  - Đất nuôi trồng thủy sản: 12.995,28 ha;
  - Các loại đất nông nghiệp còn lại: 97.907,21ha.
- b. Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2015 là 182.101,09 ha, trong đó:
- Đất quốc phòng: 5.487,15 ha;
  - Đất an ninh: 3.873,00 ha;
  - Đất khu, cụm công nghiệp: 6.069,32 ha;
  - Đất phát triển hạ tầng: 63.427,96 ha, gồm:
    - + Đất cơ sở văn hoá 957,4 ha;

- + Đất cơ sở y tế 284,35 ha;
- + Đất cơ sở giáo dục- đào tạo 2.128,83 ha;
- + Đất cơ sở thể dục - thể thao 1.863,11 ha;
- + Các loại đất phát triển hạ tầng còn lại 58.194,27 ha.
- Đất di tích, danh lam thắng cảnh: 452,64 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 333,81 ha;
- Đất ở tại đô thị: 3.527,09 ha;
- Các loại đất phi nông nghiệp còn lại: 98.930,12 ha.

c. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: 22.366,86 ha.

d. Diện tích đất chưa sử dụng còn lại đến năm 2015: 62.226,59 ha.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ xét duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2011./.*

**Nơi nhận:**

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Mai Văn Ninh**